

NGHỊ QUYẾT

**Quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ
hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ công tác bầu cử
đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang**

**HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG
KHÓA IX - KỲ HỌP THỨ 16**

*Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19 tháng 6 năm 2015;
Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức
chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;*

*Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6
năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Ban hành văn bản quy
phạm pháp luật ngày 18 tháng 6 năm 2020;*

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

*Căn cứ Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân
ngày 25 tháng 6 năm 2015;*

*Căn cứ Nghị định số 34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của
Chính phủ quy định chi tiết một số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành
văn bản quy phạm pháp luật; Nghị định số 154/2020/NĐ-CP ngày 31 tháng 12
năm 2020 của Chính phủ về việc sửa đổi bổ sung một số điều của Nghị định số
34/2016/NĐ-CP ngày 14 tháng 5 năm 2016 của Chính phủ quy định chi tiết một
số điều và biện pháp thi hành Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật;*

*Căn cứ Thông tư số 102/2020/TT-BTC ngày 23 tháng 11 năm 2020 của
Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn việc lập dự toán, quản lý, sử dụng và quyết
toán kinh phí bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân
các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026;*

*Xét Tờ trình số 34/TTr-UBND ngày 09 tháng 02 năm 2021 của Ủy ban
nhân dân tỉnh về việc đề nghị Hội đồng nhân dân tỉnh ban hành Nghị quyết quy
định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các
nội dung chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại*

biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang và Báo cáo thẩm tra số 09/BC-HĐND ngày 24 tháng 02 năm 2021 của Ban Kinh tế - Ngân sách Hội đồng nhân dân tỉnh; ý kiến thảo luận của đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh tại kỳ họp.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Phạm vi điều chỉnh: Nghị quyết này quy định nội dung chi, mức chi và thời gian được hưởng chế độ hỗ trợ đối với các nội dung chi phục vụ cho công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

2. Đối tượng áp dụng: Các đơn vị, tổ chức và cá nhân có liên quan tham gia phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 theo quy định của Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân ngày 25 tháng 6 năm 2015.

Điều 2. Nội dung chi

1. Chi xây dựng các văn bản hướng dẫn phục vụ công tác bầu cử; các báo cáo, văn bản liên quan đến công tác bầu cử.

2. Chi in ấn tài liệu, ấn phẩm phục vụ bầu cử:

a) Chi in ấn các tài liệu phục vụ cho cuộc bầu cử như: Luật Bầu cử đại biểu Quốc hội và đại biểu Hội đồng nhân dân, các văn bản hướng dẫn thi hành Luật; các ấn phẩm, các văn bản chỉ đạo, hướng dẫn phục vụ cho cuộc bầu cử;

b) Chi in ấn: Thẻ cử tri, phiếu bầu cử, nội quy phòng/khu vực bỏ phiếu, các biểu mẫu phục vụ công tác bầu cử, phù hiệu cho nhân viên tổ chức bầu cử; các hồ sơ ứng cử, tiểu sử, các loại danh sách phục vụ công tác bầu cử (danh sách các đơn vị bầu cử, danh sách cử tri, danh sách người ứng cử, người tự ứng cử, người trúng cử); các biên bản liên quan đến bầu cử, giấy chứng nhận đại biểu trúng cử và các loại tài liệu, giấy tờ khác có liên quan phục vụ cho công tác bầu cử.

3. Chi xây dựng, cập nhật, vận hành trang thông tin điện tử về công tác bầu cử; chi trang thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp huyện.

4. Chi cho công tác bảo đảm an ninh, trật tự, thông tin, tuyên truyền, hướng dẫn và vận động bầu cử.

5. Chi tổ chức các hội nghị: Hội nghị triển khai công tác bầu cử, hội nghị trực tuyến, hội nghị hiệp thương, hội nghị cử tri, hội nghị tiếp xúc cử tri; hội nghị tập huấn, hội nghị giao ban, hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết, khen thưởng.

6. Chi cho công tác chỉ đạo, hướng dẫn, kiểm tra, giám sát công tác bầu cử:

- a) Chi phương tiện đi lại, công tác phí;
- b) Chi vận chuyển phiếu bầu, quản lý và kiểm phiếu bầu;
- c) Chi khác liên quan đến công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát bầu cử.

7. Chi công tác tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo; giám sát hoạt động khiếu nại, tố cáo về công tác bầu cử.

8. Chi khám sức khỏe cho ứng cử viên.

9. Chi xây dựng, triển khai phần mềm cập nhật, thống kê kết quả bầu cử các cấp.

10. Chi phí hành chính cho công tác bầu cử:

- a) Chi văn phòng phẩm, chi phí hành chính trong đợt bầu cử;
- b) Chi thông tin liên lạc phục vụ bầu cử;
- c) Chi thuê hội trường và địa điểm bỏ phiếu;
- d) Chi trang trí, loa đài, an ninh, bảo vệ tại các tổ bầu cử;
- đ) Chi làm hòm phiếu bổ sung, khắc dấu của tổ chức bầu cử, bảng niêm yết danh sách bầu cử;
- e) Chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử;
- g) Chi khác phục vụ trực tiếp cho công tác bầu cử.

Trong phạm vi kinh phí phục vụ bầu cử được cơ quan có thẩm quyền phân bổ và tình hình thực tế, các cơ quan, đơn vị được giao sử dụng kinh phí thực hiện bố trí kinh phí chi tiêu theo các nội dung trên đây cho phù hợp và đảm bảo theo đúng các quy định hiện hành.

Điều 3. Mức chi

1. Chi tổ chức hội nghị, tập huấn:

a) Chi hội nghị: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Riêng chi tổ chức các hội nghị triển khai, hội nghị sơ kết, hội nghị tổng kết, khen thưởng do Ủy ban bầu cử các cấp triệu tập được chi hỗ trợ tiền ăn cho tất cả đại biểu tham dự hội nghị với mức chi cho cấp tỉnh, cấp huyện và cấp xã: 120.000 đồng/người/buổi;

b) Chi tổ chức tập huấn cho cán bộ tham gia phục vụ công tác tổ chức bầu cử thực hiện theo mức chi được quy định tại Nghị quyết số 01/2019/NQ-HĐND

ngày 19 tháng 4 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức chi hỗ trợ đào tạo, bồi dưỡng cán bộ, công chức, viên chức trên địa bàn tỉnh Tiền Giang. Riêng chế độ công tác phí thực hiện theo quy định tại khoản 17 Điều 3 của Nghị quyết này.

2. Chi bồi dưỡng các cuộc họp:

a) Chủ trì cuộc họp:

- Cấp tỉnh: 150.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 120.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 100.000 đồng/người/buổi.

b) Thành viên tham dự:

- Cấp tỉnh: 80.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 60.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 40.000 đồng/người/buổi.

c) Các đối tượng phục vụ:

- Cấp tỉnh: 50.000 đồng/người/buổi;
- Cấp huyện: 40.000 đồng/người/buổi;
- Cấp xã: 30.000 đồng/người/buổi.

3. Chi công tác chỉ đạo, kiểm tra, giám sát phục vụ công tác bầu cử:

Ngoài chế độ công tác phí được quy định tại khoản 17 Điều 3 của Nghị quyết này, các đoàn công tác được chi như sau:

a) Cấp tỉnh:

- Trưởng đoàn: 150.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên chính thức của đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;
- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn:
- + Phục vụ trực tiếp đoàn: 80.000 đồng/người/buổi;
- + Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

b) Cấp huyện:

- Trưởng đoàn: 120.000 đồng/người/buổi;
- Thành viên chính thức của đoàn: 80.000 đồng/người/buổi;
- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn:
- + Phục vụ trực tiếp đoàn: 60.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, phục vụ): 50.000 đồng/người/buổi.

c) Cấp xã:

- Trưởng đoàn: 100.000 đồng/người/buổi;

- Thành viên chính thức của đoàn: 60.000 đồng/người/buổi;

- Cán bộ, công chức, viên chức phục vụ đoàn:

+ Phục vụ trực tiếp đoàn: 40.000 đồng/người/buổi;

+ Phục vụ gián tiếp đoàn (lái xe, phục vụ): 30.000 đồng/người/buổi.

d) Chi xây dựng báo cáo kết quả kiểm tra, giám sát:

- Cấp tỉnh:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.000.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi là 200.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 400.000 đồng/người/văn bản;

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 300.000 đồng/báo cáo.

- Cấp huyện:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp huyện, Ủy ban bầu cử cấp huyện: 500.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi là 150.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 300.000 đồng/người/văn bản;

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 200.000 đồng/báo cáo.

- Cấp xã:

+ Báo cáo tổng hợp kết quả của từng đoàn công tác; báo cáo tổng hợp kết quả của đợt kiểm tra, giám sát; báo cáo tổng hợp kết quả các đợt kiểm tra, giám sát trình Thường trực Hội đồng nhân dân cấp xã, Ủy ban bầu cử cấp xã: 300.000 đồng/báo cáo;

+ Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: Mức chi là 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản;

+ Chỉnh lý, hoàn chỉnh báo cáo: 100.000 đồng/báo cáo.

4. Chi xây dựng văn bản:

a) Chi xây dựng các văn bản quy phạm pháp luật về bầu cử: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định mức phân bổ kinh phí bảo đảm cho công tác xây dựng văn bản quy phạm pháp luật và hoàn thiện hệ thống pháp luật trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Chi xây dựng các văn bản ngoài phạm vi quy định tại Nghị quyết số 36/2017/NQ-HĐND, liên quan đến công tác bầu cử, có phạm vi toàn tỉnh do Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, Ủy ban bầu cử tỉnh, các Ban bầu cử tỉnh và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử tỉnh, Sở Nội vụ, Ủy ban Mặt trận Tổ quốc Việt Nam tỉnh Tiền Giang, Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh ban hành (kế hoạch, thông tri, văn bản chuyên môn hướng dẫn công tác phục vụ bầu cử, báo cáo sơ kết, tổng kết, biên bản tổng kết cuộc bầu cử trong phạm vi cả tỉnh):

- Xây dựng văn bản: 500.000 đồng/văn bản (tính đến sản phẩm cuối cùng, bao gồm cả tiếp thu, chỉnh lý);

- Xin ý kiến bằng văn bản các cá nhân, chuyên gia: 100.000 đồng/người/lần, nhưng tối đa không quá 200.000 đồng/người/văn bản.

5. Thời gian và mức chi bồi dưỡng cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Bồi dưỡng theo mức khoán đối với các đối tượng sau:

- Cấp tỉnh:

- + Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh: 1.500.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng);

- + Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.800.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 04 tháng);

- + Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh: 1.500.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 04 tháng);

- + Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử: 1.500.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng).

- Cấp huyện:

- + Ban Chỉ đạo bầu cử cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng).

- + Ủy ban bầu cử cấp huyện: 1.100.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 04 tháng);

- + Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp huyện: 900.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 04 tháng);

+ Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử cấp huyện: 800.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng).

- Cấp xã:

+ Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng).

+ Ủy ban bầu cử cấp xã: 700.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 04 tháng);

+ Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử cấp xã: 300.000 đồng/người/tháng (thời gian chi bồi dưỡng là 03 tháng).

- Khoán chi cho Tổ bầu cử:

+ Tổ trưởng: 300.000 đồng/người/đợt bầu cử;

+ Thư ký: 200.000 đồng/người/đợt bầu cử;

+ Bồi dưỡng chung cho Tổ bầu cử: 1.500.000 đồng/Tổ/đợt bầu cử.

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức bồi dưỡng cao nhất. Danh sách chi bồi dưỡng thực hiện theo quyết định thành lập đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

b) Bồi dưỡng 100.000 đồng/người/ngày đối với các đối tượng được huy động, trung tập trực tiếp hướng dẫn, phục vụ công tác bầu cử (ngoài các đối tượng đã tham gia tại các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử, các Tổ giúp việc Ủy ban bầu cử, Ban bầu cử, Tổ bầu cử); không bao gồm những ngày tham gia đoàn kiểm tra, giám sát; phục vụ trực tiếp dân (thời gian tối đa không quá 15 ngày).

Trường hợp thời gian huy động, trung tập thường xuyên trực tiếp phục vụ công tác bầu cử trên 15 ngày, thực hiện chi bồi dưỡng theo mức khoán đối với Ban bầu cử cùng cấp trên cơ sở quyết định, văn bản huy động, trung tập của Ủy ban bầu cử cùng cấp.

c) Riêng 02 ngày (ngày trước ngày bầu cử và ngày bầu cử): chi bồi dưỡng 150.000 đồng/người/ngày, áp dụng đối với tất cả các lực lượng trực tiếp tham gia phục vụ bầu cử. Danh sách đối tượng được hưởng chế độ chi bồi dưỡng theo các quyết định, văn bản của cấp có thẩm quyền.

6. Thời gian và mức khoán chi hỗ trợ cước điện thoại di động cho những người trực tiếp phục vụ trong đợt bầu cử:

a) Cấp tỉnh:

- Ban Chỉ đạo bầu cử tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

- Ủy ban bầu cử tỉnh: 500.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 04 tháng);

- Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh: 300.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

b) Cấp huyện:

- Ban Chỉ đạo bầu cử cấp huyện: 150.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

- Ủy ban bầu cử cấp huyện: 250.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 04 tháng);

- Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp huyện: 150.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

c) Cấp xã:

- Ban Chỉ đạo bầu cử cấp xã: 50.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

- Ủy ban bầu cử cấp xã: 100.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 04 tháng);

- Ban bầu cử và các Tiểu ban bầu cử trực thuộc Ủy ban bầu cử, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp xã: 50.000 đồng/người/tháng (thời gian chi hỗ trợ là 03 tháng).

Trường hợp một người làm nhiều nhiệm vụ khác nhau chỉ được hưởng mức khoán chi hỗ trợ cước điện thoại di động cao nhất.

7. Chi tiếp công dân, giải quyết khiếu nại, tố cáo về bầu cử:

a) Người được giao trực tiếp việc tiếp công dân: 80.000 đồng/người/buổi;

b) Người phục vụ trực tiếp việc tiếp công dân: 60.000 đồng/người/buổi;

c) Người phục vụ gián tiếp việc tiếp công dân: 50.000 đồng/người/buổi.

8. Chi cho ứng cử viên tiếp xúc cử tri:

a) Đối với ứng cử viên đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp: Chi theo mức chi quy định tại Nghị quyết số 08/2019/NQ-HĐND ngày 12 tháng 7 năm 2019 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chế độ, chính sách và các điều kiện bảo đảm hoạt động của đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

b) Đối với ứng cử viên đại biểu Quốc hội:

Trường hợp Trung ương đề nghị sử dụng ngân sách địa phương và chưa quy định mức chi cụ thể thì áp dụng mức chi bằng đại biểu Hội đồng nhân dân cấp tỉnh.

9. Chi đóng hòm phiếu:

Trường hợp hòm phiếu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 350.000 đồng/hòm phiếu.

10. Chi trang trí Tổ bầu cử: 2.000.000 đồng/Tổ bầu cử.

11. Chi khắc dấu:

Trường hợp dấu cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 250.000 đồng/dấu.

12. Chi bảng niêm yết danh sách bầu cử:

Trường hợp chưa có bảng niêm yết, hoặc bảng cũ không thể sử dụng, hoặc cần phải bổ sung, mức chi tối đa 1.500.000 đồng/bảng.

13. Chi công tác in ấn, tuyên truyền: Thực hiện theo quy định của pháp luật hiện hành về đấu thầu.

14. Chi thiết bị phục vụ Văn phòng Ủy ban bầu cử tỉnh, Văn phòng Ủy ban bầu cử cấp huyện: Thực hiện theo đúng định mức, chế độ, chi tiêu hiện hành trong phạm vi dự toán ngân sách được giao.

15. Chi bồi dưỡng rà soát, lập danh sách, viết và phát thẻ cử tri:

Khoán rà soát, lập danh sách, viết và phát thẻ cử tri: 700 đồng/thẻ.

16. Chi làm thêm giờ: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của liên Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn thực hiện chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

17. Chi công tác phí:

a) Khoán chi đi công tác trong tỉnh:

- 150.000 đồng/người/ngày cho người đi công tác trong tỉnh (ra ngoài địa bàn là các huyện, thành, thị nơi cơ quan đóng trụ sở);

- 100.000 đồng/người/ngày cho người đi công tác trong huyện, thành, thị (ra ngoài địa bàn là các xã, phường, thị trấn nơi cơ quan đóng trụ sở).

b) Đi công tác ngoài tỉnh: Thực hiện theo quy định tại Nghị quyết số 28/2017/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang quy định chế độ công tác phí, chi hội nghị trên địa bàn tỉnh Tiền Giang.

18. Các nội dung chi khác đã được quy định tại Nghị quyết này nhưng chưa quy định mức chi cụ thể thì thực hiện theo các quy định của pháp luật hiện hành.

Điều 4. Nguồn kinh phí

Kinh phí phục vụ công tác bầu cử đại biểu Quốc hội khóa XV và đại biểu Hội đồng nhân dân các cấp nhiệm kỳ 2021 - 2026 trên địa bàn tỉnh Tiền Giang do ngân sách nhà nước đảm bảo.

Điều 5. Tổ chức thực hiện

Giao Ủy ban nhân dân tỉnh tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết này. Khi các văn bản quy định về chế độ, định mức chi dẫn chiếu để áp dụng tại quy định của Nghị quyết này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế bằng văn bản mới thì áp dụng theo các văn bản sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế đó.

Giao Thường trực Hội đồng nhân dân tỉnh, các Ban của Hội đồng nhân dân tỉnh, Tổ đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Tiền Giang khóa IX, kỳ họp thứ 16 thông qua ngày 25 tháng 02 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày thông qua./.

Nơi nhận:

- UB. Thường vụ Quốc hội;
- Hội đồng Bầu cử Quốc gia;
- VP. Hội đồng Bầu cử Quốc gia;
- VP. Quốc hội, VP. Chính phủ;
- HĐDT và các Ủy ban của Quốc hội;
- Ban Công tác đại biểu (UBTVQH);
- Các Bộ: Tài chính, Nội vụ, Tư pháp, Kế hoạch - Đầu tư;
- Cục Kiểm tra VBQPPL (Bộ Tư pháp);
- Vụ Công tác đại biểu (VPQH);
- Cục Hành chính - Quản trị II (VPCP);
- Kiểm toán Nhà nước khu vực IX;
- Các đ/c UVBTV Tỉnh ủy;
- UBND, UBMTTQ, UBBC tỉnh;
- Các Sở, Ban ngành, đoàn thể tỉnh;
- ĐB. Quốc hội đơn vị tỉnh Tiền Giang;
- ĐB. HĐND tỉnh;
- TT. HĐND, UBND các huyện, thành, thị;
- Ủy ban bầu cử các huyện, thành, thị;
- TT. HĐND các xã, phường, thị trấn;
- Ủy ban bầu cử các xã, phường, thị trấn;
- Báo Ấp Bắc;
- Trung tâm Tin học - Công báo tỉnh;
- Lưu: VT. *325b*

CHỦ TỊCH *Ch*



Nguyễn Văn Danh